

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỢP TÁC QUỐC TẾ VINATECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỢP TÁC QUỐC TẾ VINATECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINATECH INVESTMENT INTERNATIONAL COOPERATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINATECH INCO .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108294210

**3. Ngày thành lập:** 28/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 114 Đường Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.6680.6686

Fax:

Email: [vinatechjapan@gmail.com](mailto:vinatechjapan@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>chi tiết: Tư vấn du học (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                              | 8560(Chính) |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>chi tiết: hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan                                                    | 5229        |
| 3.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy kỹ năng đàm thoại, đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; dạy máy tính;                                                                | 8559        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230        |
| 5.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                 | 7820        |
| 6.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>( Trừ trung tâm dịch vụ việc làm)                                                                                 | 7810        |
| 7.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                  | 6619        |
| 8.  | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề ( Theo quy định tại Điều 51, Luật giáo dục nghề nghiệp 2014)                                                                                                    | 8532        |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                   | 7320        |
| 10. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                        | 7830        |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết: đại lý, môi giới                                                                                                                                                    | 4610        |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                   | 7020        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI HOÀNG NAM  | Số 44/178 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 54.000     | 540.000.000           | 30,000    | B7819341                                                                                    |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 54.000     | 540.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VĂN CUNG  | Thôn Vàng, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 54.000     | 540.000.000           | 30,000    | 001081008502                                                                                |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 54.000     | 540.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN MINH TIẾN | Xóm 5, Xã Nam Chính, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 18.000     | 180.000.000           | 10,000    | 151618980                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 18.000     | 180.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | BÙI VĂN CUNG   | Số 44/178 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 36.000     | 360.000.000           | 20,000    | 011372611                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 36.000     | 360.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | LÊ THỊ LUYỀN   | Thôn Vô Lượng, Xã Thống Nhất, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 18.000     | 180.000.000           | 10,000    | 142665509                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 18.000     | 180.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI HOÀNG NAM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/09/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *B7819341*

Ngày cấp: *18/04/2013*

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 44/178 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 44/178 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*